

NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI TÍN HỮU TIN LÀNH Ở VIỆT NAM

MÃ PHÚC THANH TUỔI^(*)

1. Tín hữu Tin Lành với văn hóa truyền thống

Lịch sử đạo Tin Lành ở Việt Nam trong một trăm năm cho thấy, ngoài những khó khăn thách thức đến từ những thể chế chính trị trước đây, còn có những mâu thuẫn xuất phát từ truyền thống văn hóa Việt Nam. Ngay từ đầu khi Tin Lành đến Việt Nam đã có nhiều điểm khác biệt. Đối với người Việt Nam, thờ cúng ông bà, tổ tiên và những người có công với làng nước là thiêng liêng, trở thành chuẩn mực đạo đức. Việc thờ cúng xuất phát từ tấm lòng biết ơn hiếu thảo của con cái đối với ông bà, cha mẹ, những người có công với làng nước. Đây là nét văn hóa mang ý nghĩa nhân văn của người Việt ngày xưa. Với ảnh hưởng của Nho giáo, biến đổi cao hơn mức tập tục trở thành một đạo, là hình thức tôn giáo cổ truyền của dân tộc Việt Nam⁽¹⁾. Không cúng bái tổ tiên là bỏ ông bỏ bà, từ bỏ tổ tiên, theo luật pháp ngày xưa tội này bị xử trảm⁽²⁾.

Đạo Tin Lành theo Kinh Thánh “chỉ thờ một mình Đức Chúa Trời là tổ tông của tổ tông”⁽³⁾. Cho nên chuẩn mực đạo đức cao nhất của người tín hữu Tin Lành là dành riêng sự thờ phụng Đức Chúa Trời, là Đấng Tạo Hóa; cùng với việc vâng giữ

điều răn thứ năm của Ngài là phải hiếu kính cha mẹ ông bà. Hiếu thảo là thể hiện tấm lòng con cháu đối với ơn sinh thành, sự chăm sóc và bảo vệ đứa con yếu đuối trước những hiểm nguy. Công ơn còn được đánh giá cao trong việc hi sinh cho con, thưởng phạt, sửa dạy và tâm tình, an ủi con cái trong cuộc sống. Trong ý nghĩa này, hành vi hiếu thảo trước hết phải dành cho Đức Chúa Trời là Cha trên trời, mà theo Kinh Thánh là cội nguồn nhân loại; điều này vừa thiêng liêng vừa hiện thực, có trước mới có sau, chiếm vị trí quan trọng trong đời sống đạo đức tôn giáo. Việc hiếu kính cũng được thể hiện qua cách cư xử với ông bà cha mẹ: kính mến, vâng phục và biết ơn, báo hiếu khi họ còn sống, khi qua đời an táng tử tế, xây dựng và chăm sóc mộ phần chu đáo. Tín đồ Tin Lành không tạo lập bàn thờ và thờ phụng ông bà cha mẹ như đối với Đấng Tối Cao. Đối với những người đã qua đời vẫn nhớ đến họ, kính

*. Mục Sư, Hội Thánh Tin Lành Chiên Đàn, Quảng Nam.

1. Huỳnh Công Bá, *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb. Thuận Hóa, 2007, tr. 432, 434.

2. *Hồng Đức Thiệu Chính Thư*, Số 153, 1959, Nguyễn Sĩ Giác dịch, Sài gòn, tr.65.

3. Kinh Thánh, *The Holy Bible in Vietnamese*. Bản dịch 1926, United Bible Societies, 1994, tr. 70, Math. 3:38.

mến, khắc ghi công ơn của họ đã làm trong tâm của mình, noi theo gương mẫu đạo hạnh của họ nhưng không thờ phượng theo cách cổ truyền qua các nghi lễ trong ngày giỗ chạp, ma chay, cưới xin. Trong thân phận con người, “thác là thể phách, còn là tinh anh”, một người khi qua đời thể xác gửi nơi mộ phần, phần linh hồn phải về nơi ở dành cho mình trong cõi siêu hình, không thể quay trở lại trần gian để hưởng lấy lễ vật cúng bái. Tín hữu cũng không cúng bái tổ tiên nhằm đến việc cầu lợi để làm ăn phát đạt hay van vái ông bà cha mẹ làm ơn đừng trở về quả phạt con cháu bệnh tật đau ốm. Quan điểm và phương cách thể hiện lòng hiếu kính của tín đồ Tin Lành có khác biệt với văn hóa người Việt.

Theo phong tục của người Hmông, vào ngày đầu năm mới hay vào ngày Tết cổ truyền của người Hmông, những người trẻ phải đi thăm và cúi lạy những người già trong thôn bản. Nhưng sau khi theo đạo Tin Lành, những người trẻ không cúi lạy bất cứ ai ngoài Chúa⁽⁴⁾.

Tại Việt Nam, các tôn giáo và tín ngưỡng trong quá trình lịch sử gần bó cùng tồn tại lâu đời trong xã hội truyền thống. Cho nên các thành viên trong gia đình có chung sự thờ phụng chứ không chọn theo niềm tin cá nhân. “Sự thay đổi theo Tin Lành cũng gây ra sự phân chia, đối lập giữa những người theo và không theo Tin Lành trong nội bộ dòng họ”⁽⁵⁾. Nhiều người cho rằng không thờ cúng theo nghi lễ truyền thống gia đình là làm mất đi bản sắc văn hóa dân tộc⁽⁶⁾. Mâu thuẫn xảy ra khi một người tin theo đạo Tin Lành không thấp hương thờ cúng ông bà, dòng tộc.

Với quan niệm khi qua đời là “chầu Trời”, là về với Chúa ở cõi vĩnh phúc, chỉ tạm chia li người thân và sẽ cùng nhau đoàn tụ mai sau, đám tang người theo đạo Tin Lành không có kèn trống, ít tiếng khóc than thảm thiết, chỉ nghe tiếng mục sư hành lễ và cộng đồng hát xướng Thánh ca.

Phương cách truyền bá đạo Tin Lành ở Việt Nam nhắm đến từng cá thể, cá thể hưởng ứng, cá thể quyết định tin đạo và cá thể gia nhập Hội Thánh. Đây là cách được cho là ôn hòa dù tiến triển chậm và cũng ít gây ra xung đột với nền văn hóa bản địa nhất. Nhưng những điều khác biệt về đức tin, về quan niệm và về lối sống của đạo Tin Lành với các tập tục gia đình và xã hội cổ truyền vẫn tạo áp lực nặng nề cho một người mới quyết tâm tin theo đạo.

2. Giáo lí Tin Lành với thực tiễn luân lí

Theo Jean Baubérot thì “đạo Tin Lành trong lịch sử đã tạo nên một nhân tố cơ bản trong việc tạo dựng ra tính chất hiện đại, đầu cho có nhân tố khác có quan trọng đến đâu đi nữa. Nhưng tính chất hiện đại đó một khi đã được tạo dựng nên lại tạo ra một số vấn đề”⁽⁷⁾.

Đối với xã hội Việt Nam, tín lí “chỉ có một Đức Chúa Trời”⁽⁸⁾ như ngược dòng

4. Nguyễn Văn Thắng (Chủ biên), *Giữ “Lý Cũ” hay theo “Lý Mới”*? Nxb. Khoa học Xã hội, 2009, tr. 149.

5. Nguyễn Văn Thắng, Sdd, tr. 150-151.

6. Huỳnh Công Bá, Sdd, tr. 433.

7. Jean Baubérot, *Lịch sử Đạo Tin Lành*, Nxb. Thế giới, 2006, tr. 22.

8. Jean Baubérot, Sdd, tr. 9-22. Có 5 đặc trưng qua tiếng Latinh: *Sola fide*, là “chỉ có đức tin”; *sola Scriptura*, “Chỉ có Kinh Thánh”; *sola gratia*, “chỉ có ân điển”; *solus Christus*, “Chỉ có Đấng Christ; và *solus Deo gloria*; “Chỉ có Đức Chúa Trời.” Tuy nhiên, các học giả thần học hay thế tục thường chỉ nhấn mạnh đến 2 hay 3 đặc trưng chính mà thôi.

với tín ngưỡng tự nhiên và tôn giáo truyền thống. Các nhà nghiên cứu tôn giáo đã phân tích khuynh hướng dung hợp tín ngưỡng khác nhau làm nên một truyền thống có sắc màu đa thần, phiếm thần và hồn linh giáo.

Với chủ trương “chỉ có Đức Chúa Trời” có nghĩa giáo hội phổ thông bị tước bỏ uy quyền thiêng liêng, tính không mắc sai lầm (vô ngộ), quyền ân xá vốn cần thiết để duy trì thẩm quyền và sự hiệp nhất của một giáo hội toàn cầu. Có sự tương hợp giữa giáo lí “chỉ có Đức Chúa Trời” với sự có mặt của quá nhiều giáo hội, giáo phái Tin Lành trên thế giới và ngay tại Việt Nam⁽⁹⁾. Ngay sau Cải Cách, đạo Tin Lành không thể thiết lập một Giáo hội Hoàn vũ có sự thống nhất về giáo lí và tổ chức như giáo hội Công giáo. Theo tổ chức hình thức dân chủ, lãnh đạo Giáo hội Tin Lành Việt Nam do đại biểu tín đồ tín nhiệm bầu cử, một mục sư đến quản nhiệm một Hội Thánh cũng được tín đồ chọn lựa qua việc bầu phiếu, phong chức một mục sư cũng đòi hỏi sự tín nhiệm của đa số tín hữu, nói chung tất cả các cơ cấu tổ chức từ Hội Thánh địa phương đến Tổng Liên Hội đều thông qua hình thức bầu cử. Sự kính trọng của người tín đồ dành cho mục sư thường căn cứ vào tư cách, nếp sống đạo đức và năng lực cá nhân của vị mục sư. Sự thừa nhận thẩm quyền có được thường đến từ chức năng đạo đức hơn là thánh chức, cho nên hàng giáo phẩm Tin Lành không khoác lên mình bộ áo linh thiêng nào như các tôn giáo khác.

Boileaux Desprésaux có một câu châm biếm “mọi tín đồ Tin Lành đều là giáo hoàng với Kinh Thánh cầm tay”⁽¹⁰⁾. Các

nhà phê bình Công giáo đã từng công kích mạnh mẽ việc đề cao thẩm quyền Kinh Thánh trong lịch sử, lên án đây là nguyên nhân làm tan rã xã hội. Tại Châu Âu từng có thời kì với Kinh Thánh cầm tay “con chiên có thể nổi loạn chống lại mục sư của mình, con chống cha, vợ chống lại chồng, đầy tớ chống lại chủ nhà, thần dân chống lại nhà vua của mình”⁽¹¹⁾. Tin Lành đề cao tính tự do cá nhân và dân chủ. Kinh Thánh chỉ có thể giải nghĩa và áp dụng thích đáng bởi những người có tri thức và thông thái tâm linh, vì nhiều khi ý nghĩa Kinh Thánh vượt quá tầm tiếp thu và giải nghĩa của các tín đồ. Điều này tạo nên sự khác biệt văn hóa của hai giáo hội, văn hóa Công giáo La Mã tạo sự ổn định với cơ sở là sự phục tùng, văn hóa Tin Lành ủng hộ tính sáng tạo năng động đa dạng về mặt xã hội, nhất là trong việc giải thích áp dụng Kinh Thánh trong luân lí đạo đức.

Tin Lành nhấn mạnh giáo lí “chỉ có ân điển” hay còn gọi là “ân sủng”, là sự ban cho của Đức Chúa Trời dành cho người tin đạo. “Theo Luther thì cơ chế mang ân sủng đến cho tín hữu là đức tin. Qua đức tin, người tín hữu hướng đến quan hệ trực tiếp với Đức Kitô, nguồn của ân sủng”⁽¹²⁾. Những khiếm khuyết về đạo đức khiến cho con người không thể nhận được sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời,

9. Frank S. Mead, Samuel S. Hill, Craig D. Alwood, *Hội Thánh hiện đại, Cẩm nang các hệ phái, Tập 1, 2* Viện Thánh Kinh Thần học Tp. Hồ Chí Minh, 2004, tr. 29-30.

10. Jean Baubérot, Sđd, tr. 10 - 11.

11. Jean Baubérot, Sđd, tr. 15.

12. Carol Smith – Rody Smith, *Lịch sử Thiên Chúa giáo*, Bản dịch Lê Thành, Nxb. Thời đại, Hà Nội, 2011, tr. 332.

nhưng tình yêu thương khó hiểu của Ngài lại cứu vớt con người mà không cần có bất kì điều kiện nào.

Nhìn chung, tín đồ Tin Lành trên thế giới hay tại Việt Nam theo xu hướng Thanh giáo, đức tin kiên thành và lối sống khổ hạnh. Tín đồ trở thành những con người nghiêm nghị, khổ hạnh, trầm mặc, ít có cảm xúc trước lạc thú trần thế, xa lánh mọi trò vui lễ hội⁽¹³⁾. Điều này dẫn đến tính khép kín trong mối quan hệ với xã hội, với những người khác biệt tôn giáo, xa lạ với chính những người bà con họ hàng không theo đạo. Thật nghịch lí khi sống như vậy, trong xu thế khách quan toàn cầu hóa, các vùng, các miền, các quốc gia dân tộc, các cộng đồng, từ chỗ tách rời nhau, độc lập với nhau đến chỗ gắn bó, liên kết, thành một chỉnh thể thống nhất, hữu cơ như trong ngôi nhà chung toàn cầu.

Giáo lí về Nước Trời hay Vương quốc Thiên Đàng cùng với quyền bính của Chúa Giêsu chống lại sự ác, tội lỗi và tiêu vong, giải cứu con người trong lần Ngài đến trần gian lần thứ nhất cách đây hơn hai ngàn năm. Sự kiện Chúa tái lâm trong tương lai – thế tục gọi là ngày tận thế – được giảng dạy nhưng về thời điểm và giờ khắc thì con người không được báo trước đích xác. Từ giáo lí này mà các mục sư khuyên nhủ tín đồ phải sống đạo hạnh chuẩn bị cho ngày Chúa đến tiếp đón vào vương quốc của Ngài. Trên thế giới đã có không ít người tự đoán định ngày giờ tận thế gây ra rất nhiều bi kịch cho những tín đồ nhẹ dạ cả tin. Tại Việt Nam, vào các năm 1945, năm 2000, gần đây là năm 2011 với biến cố Mường Nhé, năm 2012 với lời tuyên truyền nội dung

“trái đất sẽ nổ tung, trời sẽ sụp và mọi người sẽ chết hết; ai theo Vàng Chữ (Đức Chúa Trời) sẽ được Chúa đưa lên trời, được hưởng cuộc sống sung sướng, không làm cũng có ăn; ai không theo Vàng Chữ sẽ bị chết”⁽¹⁴⁾. Việc xưng Vua đón Chúa đã gây ra những xáo trộn về mặt xã hội, thậm chí có tác động xấu đến ổn định chính trị, gây ra sự lo ngại của chính quyền địa phương và ảnh hưởng tiêu cực đến xã hội Việt Nam.

3. Tín hữu Tin Lành với cộng đồng cư dân khác tại Việt Nam

Đạo đức Tin Lành trong thế kỉ XVI nhấn mạnh đến nền đạo đức cá nhân tu tập, nhân đức và thực hành những việc đạo hạnh, thì nền thần học Tin Lành vào thế kỉ XX lại mở rộng nền đạo đức bằng việc kết hợp truyền giảng Phúc Âm với vấn đề phục vụ xã hội⁽¹⁵⁾. Các hội nghị quốc tế của Tin Lành trong thế kỉ XX tại Lausanne, Thụy sĩ, (1974) hay Hội Nghị về trách nhiệm xã hội tại Michigan, Hoa Kỳ, (1982) với tuyên ngôn kêu gọi thực thi công lí, giải phóng mọi áp bức, không được bóc lột, tôn trọng nhân phẩm, phục vụ con người và lên tiếng tố cáo sự ác. Có sự tương tác giữa công tác truyền giảng và phục vụ xã hội. Đạo đức có chức năng giúp tín đồ hành động có trách nhiệm và sống làm điều thiện với ý thức có ngày phải trả lời với Chúa những điều thiện điều ác mình đã làm⁽¹⁶⁾. Tích cực hơn có

13. Jean Baubérot. Sđd, tr. 18.

14. Nguyễn Thị Thanh Nhã, *Đạo Tin Lành trong vùng dân tộc H'Mông ở Tây Bắc hiện nay*, Luận Văn Thạc sĩ Triết học, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2007, tr. 43.

15. Lưu Hồng Khanh, *Đạo đức học Cơ Đốc*, Ban Tu thư Thần Học Viện Tin Lành Việt Nam, Frankfurt, 2003, tr. 20.

16. *Kinh Thánh*, Sđd, tr. 221, Côr. 5:10.

thêm chức năng là làm sao người tín đồ phải có lối sống thuyết phục và tình yêu thương thu hút đối với mọi người ở giữa xã hội. Một người sau khi theo đạo Tin Lành sẽ thay đổi lối sống cũ, tập tành theo nếp sống mới và thường hay “tuyên truyền” về đạo mà mình mới tin theo. Đặc tính “làm chứng” của một người theo đạo Tin Lành, bất kể là mục sư hay tín hữu bình thường, họ thường chia sẻ niềm vui đức tin với người khác. Nhận xét của M. Weber về truyền thống này đã có từ xưa là “sự cứu độ (cứu rỗi) của các linh hồn - và chỉ điều này mà thôi - mới là điểm mấu chốt trong cuộc sống và hoạt động của họ”⁽¹⁷⁾. Ý niệm “làm chứng” của tín hữu Tin Lành nói chung là một người khi đã biết điều gì đúng, điều gì thiện lành, điều gì làm cho cuộc sống tươi đẹp, thì mong ước được nói ra để mọi người cùng đón nhận vui hưởng.

Cộng đồng Tin Lành thể hiện bản chất và trách nhiệm đạo đức đối với những người thân nghèo khó hay cộng đồng xã hội qua việc làm từ thiện. Diễn đàn “Suy nghĩ lại công cuộc Truyền giáo” (Rethinking Missions) do William E. Hocking, một giáo sư triết học Havard chủ trì; ông gợi ý cứ tiếp tục phát triển công tác y tế, giáo dục và xã hội mà không kèm theo truyền giảng. Theo quan điểm của những người này nên tìm cách liên kết đức tin tôn giáo sẵn có của người dân bản địa với ý tưởng chung có liên hệ đến đức tin Cơ Đốc. Nhưng Hendrik Kraemer trong tác phẩm đã phê bình cho cách cổ vũ hòa lẫn này giữa Tin Lành với ngoại giáo cho thấy không thể nhận được sự tán thành chung⁽¹⁸⁾.

4. Quan điểm chính trị trong quá trình phát triển của xã hội và đất nước

Xét về phương diện lịch sử thì giữa tôn giáo và chính trị có sự gắn bó và tác động qua lại lẫn nhau, đây là vấn đề phức tạp và hết sức nhạy cảm đã được nhiều người quan tâm nghiên cứu. Hội Thánh Tin Lành Việt Nam vẫn giữ lập trường “đứng ngoài chính trị” giữ một khoảng cách nhất định giữa chính quyền và giáo hội⁽¹⁹⁾.

Thực tiễn tại Việt Nam, hiện tượng phát triển của đạo Tin Lành ở vùng dân tộc thiểu số đã có tác động phức tạp đến chính trị. Mâu thuẫn dễ nhận thấy là sự phân rẽ sâu sắc tại các địa phương trong đời sống chính trị xã hội liên quan đến tộc người và tôn giáo. Tin Lành đến Việt Nam và các dân tộc thiểu số do các tổ chức truyền giáo từ Phương Tây, đa số các giáo sĩ có quốc tịch Âu Châu và Hoa Kỳ. Thông qua các phương tiện truyền thông, việc giảng dạy Kinh Thánh của các giáo sĩ nước ngoài sẽ ảnh hưởng tư duy tín hữu trong đời sống xã hội. Sự đụng chạm đến phương diện chính trị của đạo Tin Lành khiến các nhà quản lý tại các địa phương cũng gặp rất nhiều khó khăn trong vấn đề giữ vững an ninh trật tự, ổn định chính trị hay xử lý các hoạt động truyền đạo “trái phép”.

Đạo Tin Lành gây ra những cuộc di dân tự do. Nhiều tín đồ ở vùng đất Tây Bắc cần cỗi đã tìm đến các vùng đất trù

17. Max Weber, *Nền đạo đức Tin Lành và tinh thần của chủ nghĩa tư bản*, Nxb. Tri thức, 2008, tr. 158.

18. Earle E. Cairns, *Cơ Đốc giáo trải qua các thế kỉ*, Nxb. Delta Press, 2005, tr. 621- 622.

19. Đỗ Quang Hưng, *Bước đầu tìm hiểu về mối quan hệ giữa Nhà nước và giáo hội*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2003, tr. 180.

phú hơn như Đắc Lắc, Đắc Nông, Điện Biên, Thanh Hóa... vừa tránh bị cô lập vừa dễ cải đạo ở những vùng đất mới đã có đông đảo tín đồ⁽²⁰⁾.

Song nhìn chung, tín hữu trên cả nước muốn giữ đức tin tôn giáo thuần túy và là công dân một lòng yêu nước, không để bất cứ thế lực ngoại bang nào lợi dụng mình được. Vì đạo đức của Martin Luther đối với quốc gia đã được chỉ dẫn rất có ý nghĩa “Cơ Đốc nhân là công dân của vương quốc thuộc linh và cũng là công dân của nước mình đang sống. Trên thực tế, trước khi họ thuộc về nước Đức Chúa Trời, họ thuộc về quốc gia mà họ đang sống. Bởi vì họ được sinh ra trên đất, trước khi trở nên Cơ Đốc nhân”⁽²¹⁾

Lời Kết

Đạo đức Tin Lành kế thừa một hệ thống đạo đức có chiều dài lịch sử nhân loại, qui định lối sống của một tín đồ trong mối liên hệ trách nhiệm với Đấng Thần Linh, đối xử nhân ái với đồng loại và bảo vệ môi trường tự nhiên. Nội dung đạo đức Tin Lành biểu hiện qua việc đề cao sứ mạng của mỗi tín đồ giữa trần thế, làm ăn với trách nhiệm có uy tín, đề cao lối sống tiết kiệm và cuộc đời của mỗi tín hữu phải sinh lợi.

Tín hữu Tin Lành tích cực tham gia hoạt động từ thiện, sản xuất, nâng cao chất lượng cuộc sống, góp phần duy trì đạo đức xã hội, ngăn ngừa tội phạm tệ nạn, đời sống đạo của người tín hữu Tin Lành đã có tác động tích cực đến xã hội. Giáo hội Tin Lành hai miền cũng nên nghiên cứu đưa ra những phương sách giúp cộng đồng tín hữu Tin Lành hòa nhập vào xã hội Việt Nam như nguyện vọng của tín hữu xưa nay mà vẫn không làm biến đổi Phúc Âm. Nhà nước luôn có những chính sách thuận lợi để những giá trị nhân văn, chuẩn mực đạo đức Tin Lành góp phần làm phong phú hệ giá trị đạo đức dân tộc và hữu ích trong công cuộc xây dựng đất nước. Điều này sẽ góp phần cho sự nghiệp giáo dục đạo đức cho tín hữu, giải quyết mâu thuẫn và làm giảm bớt khoảng cách giữa tín đồ Tin Lành và các tôn giáo khác./.

21. Choi Sung Kyu, *Hiếu Thảo học*, Nxb. Thời đại, Hà Nội, 2010, tr. 184.

20. Nguyễn Văn Thắng, Sđd, tr. 163.